

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 12 -12 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Minh Nhân** – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:* Bà **Lữ Thị Tuyết Lan**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long là điểm cầu trung tâm và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2023/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 127/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Văn V**, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

2. *Bị đơn:* Chị **Trương Thị Hoàng D**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là anh **Phạm Văn V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Văn V trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Trương Thị Hoàng D có quan hệ vợ chồng, thành hôn năm 2003 trên cơ sở quen biết, mặc dù biết chị D bị bệnh nhưng vẫn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long ngày 27/02/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp P, xã H hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường hay cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc dẫn đến việc năm 2016, anh V về quê ở xã A, huyện L sinh sống, thỉnh thoảng có qua thăm vợ. Năm 2018, anh V có đơn xin ly hôn nhưng đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn, xóa bỏ mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V xin được ly hôn với chị D.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Trương Thị Hoàng D trình bày:

Thống nhất quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung như nguyên đơn trình bày nhưng không đồng ý ly hôn do còn thương chồng. Từ năm 2018 đến nay, anh V vẫn thường xuyên tới lui, chăm sóc. Dù anh V có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài nhưng chị D vẫn tha thứ và mong được đoàn tụ vợ chồng.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 127/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn V về việc xin ly hôn với chị Trương Thị Hoàng D.

Vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả của anh V và chị D, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn là anh Phạm Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận cho anh V được ly hôn với chị Trương Thị Hoàng D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, bị đơn không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, yêu cầu được đoàn tụ.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: Quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ năm 2018 và đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Anh V và chị D thống nhất: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị D hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Vấn đề không thống nhất: Anh V yêu cầu ly hôn nhưng chị D không đồng ý, yêu cầu được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của anh V là có căn cứ chấp nhận do quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, anh V đã từng yêu cầu ly hôn năm 2018 và đã rút đơn khởi kiện để đoàn tụ nhưng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2018 đến nay, anh V và chị D không tìm ra giải pháp để đoàn tụ gia đình. Do đó, việc anh V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị D là có căn cứ.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn V.
- Sửa án sơ thẩm. Cho anh Phạm Văn V được ly hôn với chị Trương Thị Hoàng D. Ghi nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng cho chị D mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của đương sự. Căn cứ vào kết quả tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên kháng cáo của anh Phạm Văn V được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung

Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay đã được hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, chứng tỏ có việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ để được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Tại phiên tòa, anh V và chị D thỏa thuận, khi ly hôn, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị D hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp quy định tại các điều 107, 115, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết; hoặc bên được cấp dưỡng sau khi ly hôn đã kết hôn.

[4] Về án phí: Anh V không phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, anh Phạm Văn V. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 127/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 9, 51, 56, 107, 115, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho anh Phạm Văn V được ly hôn với chị Trương Thị Hoàng D.

2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng sau ly hôn: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Buộc anh Phạm Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Trương Thị Hoàng D hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết; hoặc bên được cấp dưỡng sau khi ly hôn đã kết hôn.

3. Về án phí:

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0008947 ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.1. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Văn V không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả lại cho anh V 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0009694 ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Triệu Hữu